TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 06-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Trần Văn T do mai mối rồi tìm hiểu nhau để tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/11/2020 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp An Phước, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi sinh con đầu tiên thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc các con nên chị đã về

nhà cha mẹ ruột ở. Nay chị thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung họ tên Trần Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 01/9/2021 và Trần Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 17/10/2023, hiện hai con chung đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu hai con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi con định kỳ mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quá trình tiến đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và chung sống anh thống nhất như đơn khởi kiện và lời trình bày của chị C. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn do anh mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung họ tên Trần Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 01/9/2021 và Trần Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 17/10/2023, hiện hai con chung đang sống chung với chị C. Nếu Toà án giải quyết cho chị C ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Huỳnh Quốc Khánh, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Anh xác định anh đủ khả năng cấp dưỡng cho hai con 3.000.000 đồng/ tháng nếu Toà án quyết định giao hai con cho chị C trực tiếp nuôi nhưng do anh không phải là người muốn ly hôn nên anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C. Về hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Chị C được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Trần Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 01/9/2021 và Trần Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 17/10/2023, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con định kỳ mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn T và giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi nên

xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh T có nơi cư trú tại ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận định: Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/11/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị C và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị C xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi trong việc chăm sóc các con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn vì anh mong muốn hàn gắn để vợ chồng cùng lo cho con nhưng anh không đưa ra được giải pháp để chị C đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng mẫu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật, đã xảy ra một thời gian tương đối dài nhưng không khắc phục được. Tại phiên toà chị C khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa và kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh T.

[4] Xét về con chung: Chị C và anh T có hai con chung họ tên Trần Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 01/9/2021 và Trần Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 17/10/2023, hiện hai con đang sống với chị C. Xét thấy, cả hai con chung đều chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa chị C và anh T không có thoả thuận nào khác, anh T cũng không chứng minh được chị C không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi.

[5] Xét về yêu cầu cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho một cháu nhưng anh T không đồng ý. Anh cho rằng do anh không phải là người muốn ly hôn nên anh không đồng ý cấp dưỡng. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Do đó, lời trình bày này của anh T là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Tại phiên toà, anh T khẳng định đủ khả năng cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 3.000.000/đồng. Vì vậy, mức cấp dưỡng chị C yêu cầu là có cơ sở nên cần buộc anh T cấp dưỡng cho con định kỳ mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con là phù hợp.

[6] Xét về tài sản chung: Chị C và anh T thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về Ca tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị C và anh T thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn, anh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C.

Cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim C được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị C và anh T có hai con chung họ tên Trần Huỳnh Quốc Khánh, sinh ngày 01/9/2021 và Trần Huỳnh Thiên Kim, sinh ngày 17/10/2023, hiện hai con đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn, hai con chung giao cho chị C trực tiếp nuôi. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con định kỳ mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho mỗi con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị C và anh T đều thống nhất không có, không yêu cầu Toà án giải quyết về Ca tài sản nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị C và anh T thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí:

Chị C có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003798 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của C cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh T có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- C cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân